TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2023/DS - PT
Ngày 13-7-2023
"V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất và kiện đòi quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Bích T

Bà Nguyễn Thị Thu Hà

***-Thư ký phiên toà*:** Bà Đặng Thị T Linh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Huệ- Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2023/TLPT- DS ngày 16 tháng 02 năm 2022 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất, kiện đòi quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2022/DS-ST ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện V bị kháng cáo:

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2023/QĐXXPT – DS ngày 09 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị A, sinh năm 1940,

Địa chỉ: Thôn BC, thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền của bà A là*:* ông Lương Văn P, sinh năm 1960

Địa chỉ: phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt)

2. Bị đơn: Bà Vũ Thị B, sinh năm 1945,

Địa chỉ: Thôn BC, thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.(vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà Vũ Thị B là: G Phạm Văn C, sinh năm 1996; địa chỉ: Số nhà 34 đường N, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. *(văn bản ủy quyền ngày 10/11/2022)*

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Vũ Thị D, sinh năm 1952, vắng mặt

3.2 G Lê Đức E, sinh năm 1971, vắng mặt

3.3 Chị Lê Thị Vân G, sinh năm 1975, vắng mặt

3.4 Chị Lê Thị Diễm H, sinh năm 1979, vắng mặt

3.5 Chị Lê Thị Hồng I, sinh năm 1987, vắng mặt

Địa chỉ: Nhà 6, đường 39, P. B, Q. Bì, T.P Hồ Chí Minh.

3.6. Chị Đỗ Thị K, sinh năm 1978, vắng mặt

Nơi cư trú: TDP P, thị trấn T, V, Vĩnh Phúc

3.7 Chị Đỗ Thị L, sinh năm 1972, vắng mặt

Nơi cư trú: TDP Nam C, thị trấn T, V, Vĩnh Phúc

3.8. Anh Đỗ Văn M, sinh năm 1972, vắng mặt

3.9. Bà Đỗ Thị N, sinh năm 1966, vắng mặt

3.10. Anh Đỗ Văn O, sinh năm 1976, vắng mặt

3.11. Bà Đỗ Thị A, sinh năm 1968, vắng mặt

Đều cư trú tại: TDP BC, thị trấn T, V, Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền của bà A, bà N, anh M, anh O, chị L và chị K là: G Phạm Văn C, sinh năm 1996; địa chỉ: Số nhà 34 đường N, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. *(văn bản ủy quyền ngày 10/11/2022):*

4. Người kháng cáo: Ông Lương Văn P (là người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị A) và bị đơn bà Vũ Thị B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 9 năm 2016, những lời trình bày tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Lê Thị A và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lương Văn P trình bày:

Bố đẻ của bà Lê Thị A là các cụ Lê Hoàng Q, Vũ Thị R (cụ Q chết năm 1943, cụ R chết năm 1976). Các cụ có 02 người con là bà A và ông Lê Văn S (đã chết năm 2000). Năm 1954, ông S đi miền Nam làm ăn để lại con trai là Lê Văn T (khi đó 18 tháng tuổi) cho bà A và cụ R nuôi dưỡng. Năm 1969, anh T lấy vợ là Vũ Thị D, cụ R cho vợ chồng anh T ra ở riêng tại nhà ba gian và khu vườn trên đất của cụ Q, cụ R.

Các cụ Q, cụ R chết đều không để lại di chúc. Không có giấy tờ tặng cho, chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Năm 1979 ông T cùng với vợ, con vào miền Nam làm ăn, do nợ nần, không có tiền nên đã tự ý chuyển nhượng một phần diện tích đất của bà cho bà Vũ Thị B. Các bên có lập giấy bán đất, nhà ngày 18/02/1979 nhưng không ai biết có phải giấy do ông T viết hay không, không có chứng thực.

Tuy nhiên, hiện bà B đã sử dụng một phần diện tích đất ổn định từ năm 1979 đến nay, bà A xác định diện tích đất này của bà B (giao dịch thực tế), không yêu cầu giải quyết.

Đối với diện tích đất 87,3m^2 (theo kết quả đo đạc ngày 09/5/2022) thì vẫn là đất của bà. Đất này nằm trong thửa đất số 117 mà cụ Q, cụ R để lại cho bà. Bà là người quản lý, sử dụng từ khi các cụ chết.

Năm 1979 khi ông T bán nhà, đất cho bà B, thì trên diện tích đất này có các công trình chuồng trại chăn nuôi của gia đình bà. Tuy nhiên ông T không bán phần diện tích đất hiện đang tranh chấp.

Năm 1982, bà dỡ bỏ bếp, công trình chăn nuôi để xây nhà cấp bốn trên diện tích đất tranh chấp và xây tường ngăn cách với với đất của bà B, đồng thời sử dụng từ đó đến năm 2016 thì dỡ bỏ nhà cấp bốn và đập bỏ tường ngăn cách nên đã xảy ra tranh chấp với gia đình bà B.

Bà khởi kiện và yêu cầu Tòa án:

- Xác định diện tích đất 87,3m^2 nêu trên là của bà. Giao cho bà quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật.

- Đối với tài sản trên đất: Hiện nay chỉ có nền gạch, một số đoạn tường xây cũ hỏng. Tài sản là của bà, nên khi giao cho bà sử dụng đất thì bà sẽ sử dụng luôn tài sản của mình.

- Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ năm 2016 đến nay, bà đã nộp các chi phí tố tụng để định giá, thẩm định, đo đạc. Bà tự nguyện chịu nộp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà đã trên 60 tuổi, xin được miễn án phí sơ thẩm.

Tại đơn yêu cầu phản tố ngày 19/12/2016 của bị đơn là Vũ Thị B và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và lời khai của anh Phạm Văn C tại phiên tòa sơ thẩm) trình bày:

Toàn bộ diện tích đất 87,3m^2 tại thửa số 117, tờ bản đồ số 55 thuộc thôn BC, thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc có nguồn gốc là do bà nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Lê Văn T bà Vũ Thị D ngày 18/02/1979, giá trị chuyển nhượng theo giá khi đó là 16.000 đồng. Việc chuyển nhượng các bên có lập giấy viết tay, có chữ ký của ông T và bà D. Khi chuyển nhượng thì không có diện tích cụ thể. Tại thời điểm chuyển nhượng thì ông T bà D chỉ để lại 01 gian chuồng lợn và 01 gian bếp (phần đất này hiện bà A đang sử dụng); còn ông T bà D chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất, các tài sản trên đất còn lại cho bà (01 ngôi nhà ba gian, 05 cây dừa, 02 cây chanh).

Năm 1980, bà dỡ bỏ ngôi nhà ba gian đã mua của ông T. Năm 1983, bà xây dựng 02 gian nhà mái bằng trên một phần đất đã nhận chuyển nhượng của ông T, bà D. Khi bà xây dựng thì bà A đã đề nghị cho đi nhờ rãnh thoát nước qua nhà bà nhưng bà không đồng ý. Do vậy, bà A đã đập phá 02 gian nhà mái bằng và chặt phá cây cối trên đất của bà và mang trâu buộc sang đất của bà. Bà

A đã cho các con quấy phá, vứt phân bắc vào nước sinh hoạt của gia định bà, cản trở, không cho bà sử dụng 87,3m^2 đất; bà A đã cố ý quản lý diện tích đất trên từ đó đến nay, bà rất nhiều lần yêu cầu trả lại cho bà nhưng không được.

Nay bà khẳng định toàn bộ diện tích đất 87,3m^2 tại thửa số 117, tờ bản đồ số 55 thuộc TDP BC, thị trấn T là do bà nhận chuyển nhượng từ ông T, bà D nên bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi đất của bà Lê Thị A.

Đồng thời, bà B có yêu cầu phản tố và đề nghị:

- Tòa án giải quyết buộc bà A phải trả lại cho bà toàn bộ diện tích đất 87,3m^2 tại thửa số 117, tờ bản đồ số 55 thuộc TDP BC, thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đối với các tài sản trên đất của bà nhận chuyển nhượng từ ông T, bà D. Năm 1983 bà A đã làm nhà và lát sân gạch nay chỉ còn sân gạch, bà yêu cầu bà A phải tự thu dọn sân gạch để trả lại đất cho bà.

- Về chi phí tố tụng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà đã trên 60 tuổi, xin được miễn án phí sơ thẩm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Vũ Thị D vắng mặt tại phiên tòa, nhưng tại bản tự khai ngày 16/02/2017 trình bày:

Bà là vợ của ông Lê Văn T (đã chết) là cháu của bà Lê Thị A (gọi bằng cô) và là cháu nội của cụ Lê Văn Q, Vũ Thị R (đều đã chết). Toàn bộ thửa đất mà hiện nay các bên đương sự là bà A, bà B tranh chấp là của cụ Q, cụ R để lại. Tuy chồng bà – ông T chỉ là cháu nội, nhưng do bố ông T đi làm ăn trong miền Nam từ năm 1954, nên ông T được cụ Q, cụ R nuôi từ nhỏ đến khi lớn lấy vợ. Ông T được cụ Q, cụ R cho toàn bộ thửa đất của các cụ để sinh sống, khi cho đất thì bà A có biết nhưng không có ý kiến gì.

Năm 1979 vợ chồng bà đã bán một phần diện tích đất cho bà Vũ Thị B, cùng với đất là một số tài sản như nhà cấp IV 03 gian, cây cối trên đất. Ông T là người viết giấy bán đất, chỉ mốc giới, việc mua bán là khách quan, tự nguyện, đã nhận tiền mua bán.

Đối với diện tích đất hiện nay bà A đang quản lý, thì bà cho rằng vẫn là của vợ chồng bà (đã được cụ Q, cụ R cho từ trước đó).

Với nội dung trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2022/DS-ST ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện V đã quyết định:

Căn cứ vào: Điều 623, Điều 156 Bộ luật dân sự; Điều 167, Điều 166, Điều 188, Điều 203 Luật đất đai 2013. Nghị quyết: 326/NQ – UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị A về việc xác nhận quyền quản lý, sử dụng đối với 87,3 m^2 đất tại thửa 117 tờ bản đồ 55 tại thị trấn T (kí hiệu 11,12,14,15,16,11, có sơ đồ đất kèm theo).

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Vũ Thị B về việc buộc bà Lê Thị A phải trả lại cho bà 87,3 m^2 đất tại thửa 117 tờ bản đồ 55 tại thị trấn T (kí hiệu 11,12,14,15,16,11, có sơ đồ đất kèm theo).

3. Tạm giao cho bà Lê Thị A quản lý 87,3 m^2 đất tại thửa 117 tờ bản đồ 55 tại thị trấn T (kí hiệu 11,12,14,15,16,11, có sơ đồ đất kèm theo).

Ngoài ra quyết định còn tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 11tháng 01 năm 2023, bị đơn bà Vũ Thị B kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện và chấp nhận yêu cầu phản tố.

Ngày 20 tháng 02 năm 2023, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Thị A là ông Lương Văn P kháng cáo nội dung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Vũ Thị B, công nhận quyền sử dụng đất cho bà Lê Thị A đối với diện tích đất tranh chấp.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu và có quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bác kháng cáo của bị đơn bà Vũ Thị B, chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2022/DS-ST ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc theo hướng xử cho bà Lê Thị A được quyền sử dụng diện tích đất 87,3m^2 tại thửa đất số 17, tờ bản đồ số 55 tại Thôn BC, thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng công khai tại phiên toà.Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2].Về nội dung vụ án: Diện tích đất tranh chấp giữa bà Lê Thị A và bà Vũ Thị B theo đo đạc hiện trạng là 87,3m^2 nằm trong thửa đất số 117 tờ bản đồ 55 (Theo bản đồ VN200) tại thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Nguồn gốc diện tích đất này là của vợ chồng cụ Vũ Thị R (mẹ bà A). Tại Sổ mục kê năm 1954 thể hiện thửa đất số 3699 mang tên cụ Vũ Thị R, diện tích 390m^2. Tại sổ địa chính lập năm 1976 thể hiện thửa đất số 135, mảnh bản đồ số 102 chủ sử dụng ông Lê Văn T (cháu nội cụ R). Tại sổ mục kê và sơ đồ địa chính năm 1992 thể hiện thửa đất của cụ R, ông T nói trên được tách thành 02 phần, một phần là thửa 140a chủ sử dụng đất Lê Thị A và một phần còn lại tách sang thửa 140b

chủ sử dụng đất Đỗ văn Quý (chồng bà B), trong đó, diện tích đất hiện đang tranh chấp nằm trong thửa 140a (chủ sử dụng là bà A). Theo bản đồ VN2000, diện tích đất tranh chấp nằm trong thửa đất số 117 tờ bản đồ 55 chủ sử dụng đất Lê Thị A. Như vậy, theo sổ sách địa chính còn lưu trữ tại UBND thị trấn T thì bà Lê Thị A quản lý, sử dụng và đứng tên chủ sử dụng phần diện tích đất đang tranh chấp từ năm 1992 đến nay.Theo bà Lê Thị A trình bày, diện tích đất tranh chấp này bố mẹ bà chết để lại cho bà quản lý, sử dụng. Bà đã xây nhà cấp bốn, tường bao loan với đất nhà bà B từ năm 1982 đồng thời quản lý, sử dụng diện tích đất này từ đó đến nay. Còn bị đơn là Vũ Thị B cho rằng diện tích đất này bà đã nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Lê Văn T từ năm 1979 theo giấy bán đất, nhà ngày 18/02/1979. Năm 1980, bà dỡ bỏ ngôi nhà ba gian đã mua của ông T và năm 1983, bà xây dựng 02 gian nhà mái bằng tuy nhiên bà A đã đập phá 02 gian nhà mái bằng và chặt phá cây cối trên đất của bà đồng thời cố ý quản lý diện tích đất trên từ đó đến nay, bà rất nhiều lần yêu cầu trả lại cho bà nhưng không được.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị A, bà A khởi kiện yêu cầu tòa án xác định diện tích đất 87,3m^2 nêu trên là của bà. Tuy nhiên tại phiên tòa ngày 28 tháng 12 năm 2022 bà A thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu tòa án công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 87,3m^2. Bị đơn bà Vũ Thị B có yêu cầu phản tố đề nghị tòa án giải quyết buộc bà A phải trả lại cho bà toàn bộ diện tích đất 87,3m^2 tại thửa số 117, tờ bản đồ số 55 thuộc TDP BC, thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc và buộc bà A phải tháo dỡ toàn bộ tài sản trên đất.

Với các yêu cầu của các đương sự như trên tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị A về việc xác nhận quyền quản lý, sử dụng đối với 87,3m2 tại thửa 117 tờ bản đồ 55 tại thị trấn Tvà cũng không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Vũ Thị B về việc buộc bà Lê Thị A phải trả lại cho bà 87,3m2 đất tại thửa 117 tờ bản đồ 55 tại thị trấn T, V, Vĩnh Phúc.Tạm giao cho bà Lê Thị A quản lý 87,3m2 đất tại thửa 117 tờ bản đồ 55 tại thị trấn T, V, Vĩnh Phúc là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và không đảm bảo quyền lợi của các đương sự vì các lý do sau đây:

[2.1]. Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết không đảm bảo quyền lợi của các đương sự:

Trong hồ sơ vụ án thể hiện, lưu tại hồ sơ địa chính và quá trình sử dụng đất thể hiện bà Lê Thị A là người đứng tên chủ sử dụng diện tích đất đang tranh chấp trong sổ sách địa chính từ năm 1992 đến nay, đồng thời cũng là người trực tiếp quản lý, sử dụng đất từ năm 1983 đến nay, việc bà A yêu cầu xác nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất đang tranh chấp sau đó quá trình giải quyết vụ án tại tòa án cấp sơ thẩm bà A thay đổi yêu cầu khởi kiện là yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất đối với 87,3 m^2 đất tại thửa 117 tờ bản đồ 55 tại thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc cho bà Lê Thị A nhưng cấp sơ thẩm vẫn giải quyết yêu cầu ban đầu là xác nhận quyền sử dụng đất đối với 87,3 m^2 đất tại

thửa 117 tờ bản đồ 55 tại thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc cho bà Lê Thị A là không đúng với yêu cầu của đương sự.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do tòa án thu thập đủ cơ sở để khẳng định chủ sử dụng đất là của bà Lê Thị A, việc tòa án cấp sơ thẩm tuyên tạm giao diện tích đất đang tranh chấp cho bà A là không đảm bảo quyền lợi của đương sự và không đúng thẩm quyền giải quyết của tòa án.

Đối với yêu cầu phản tố của bà Vũ Thị B, bà B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà A phải trả lại cho bà toàn bộ diện tích đất tranh chấp và yêu cầu thu dọn, tháo dỡ sân gạch để trả lại đất cho bà. Tuy nhiên, tại phần quyết định của Bản án chỉ giải quyết yêu cầu buộc bà A trả lại cho bà 87,3 m^2 mà không giải quyết yêu cầu thu dọn, buộc tháo dỡ sân gạch là không giải quyết hết yêu cầu theo đơn phản tố của đương sự.

[2.2]. Sai sót về thủ tục tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm: Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm ngày 28 tháng 12 năm 2022, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lương Văn P vắng mặt lần thứ nhất nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn tiến hành đưa vụ án ra xét xử; tại phiên tòa phúc thẩm ông Lương Văn P trình bày, việc Tòa án cấp sơ thẩm đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông vì lý do ông ốm không đến tòa án làm việc được là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông, tòa án cấp sơ thẩm phải hoãn phiên toà để đảm bảo quyền lợi cho ông. Vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm vẫn tiến hành xét xử vụ án vào ngày 28 tháng 12 năm 2022 khi vắng mặt ông Lương Văn P là sai sót nghiêm trọng về thủ tục tố tụng.

Sai sót của cấp sơ thẩm khi áp dụng pháp luật để giải quyết vụ án: Trong vụ án này, cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu đòi lại quyền sử dụng đất nhưng phần quyết định của Bản án lại áp dụng pháp luật về thừa kế để giải quyết vụ án là không đúng với quy định của pháp luật và không phù hợp.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, xét thấy cấp sơ thẩm có nhiều vi phạm trong quá trình giải quyết vụ án, việc sửa bản án không thể khắc phục được những sai sót của cấp sơ thẩm nên cần hủy Bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

[3]. Đối với kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lương Văn P và bị đơn bà Vũ Thị B: Do Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm nên không xem xét yêu cầu kháng cáo của các đương sự.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2022/DS-ST ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện V.

Chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện V giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện V;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Thu Hiền